

**QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

## **QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1**

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin chung về Quỹ	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo kiểm toán	4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT)	7
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT)	8
Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT)	9
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT)	10
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT)	11
Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT)	13

## **QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1**

### **THÔNG TIN CHUNG**

**Giấy chứng nhận đăng ký thành lập**

102/TB-UBCK ngày 12 tháng 3 năm 2008

Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 5 năm.

#### **Ban Đại diện Quỹ**

Bà Trịnh Thị Tuyết Minh  
Ông Nguyễn Tiến Dũng  
Ông Văn Thảo Nguyễn  
Ông Nguyễn Anh Tuấn

Thành viên Ban đại diện  
Thành viên Ban đại diện  
Thành viên Ban đại diện  
Thành viên Ban đại diện

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sabeco

**Ngân hàng giám sát**

Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 1306, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

## QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

#### TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

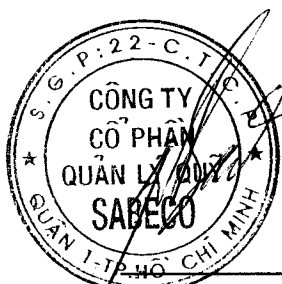
Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Quyền Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sabeco ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan để các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Sabeco 1 ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở giải thể Quỹ

Quyền Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được ghi chép đúng đắn và đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Quyền Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm quy định khác.

Quyền Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ theo các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Thay mặt Công ty Quản lý Quỹ



Thừa ủy quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Phạm Việt Bắc  
Quyền Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

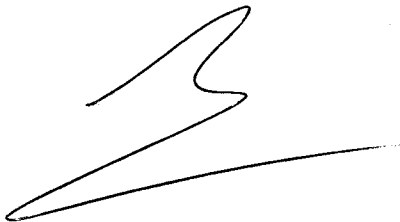
## QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ (tiếp theo)

#### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 7 đến trang 26. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



---

Nguyễn Tiến Dũng  
Thành viên Ban Đại diện Quỹ  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC THÀNH VIÊN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Sabeco 1 (“Quỹ”) được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 28 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 7 đến trang 26.

### **Trách nhiệm của Quyền Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ Sabeco (“Công ty Quản lý Quỹ”) đối với các báo cáo tài chính**

Quyền Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Ngoại trừ nội dung nêu trong đoạn Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng trọng yếu về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Quyền Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



#### **Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ**

Tại ngày 29 tháng 4 năm 2010, Quý đã mua cho mục đích kinh doanh trái phiếu, 30 trái phiếu của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin). Trái phiếu có tổng mệnh giá 30 tỉ đồng, lãi suất trái phiếu là 9%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2017. Trái tức được trả định kỳ vào ngày 13 tháng 4 hàng năm bắt đầu từ năm 2008. Giá mua là 17.358.135.046 đồng (Thuyết minh số 4).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số trái phiếu này được định giá và ghi nhận trên báo cáo tài chính theo giá mua là 17.358.135.046 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 số trái phiếu này được định giá lại và ghi nhận trên báo cáo tài chính với số tiền 19.744.525.411 đồng.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, số phát sinh thu nhập lãi từ trái phiếu này là 2.700.000.000 đồng và lãi tích lũy phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4.630.684.932 đồng (Thuyết minh số 5).

Theo đánh giá của Ban Đại diện Quý và Công ty Quản lý Quý, do trái chủ là Vinashin gặp nhiều khó khăn tài chính trong hiện tại và trong tương lai gần, nên Quý chưa có bằng chứng đáng tin cậy về khả năng thu hồi tiền gốc và lãi trái phiếu này cũng như giá trị thuần có thể thu hồi được của khoản đầu tư vào trái phiếu này.

Theo đó, chúng tôi đã không thể thu thập đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp cần thiết để xác định giá trị thuần có thể thu hồi được của khoản đầu tư vào trái phiếu cùng với thu nhập lãi trái phiếu năm 2011 và số phải thu lãi trái phiếu Vinashin này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.



### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính vì lý do nêu tại đoạn "Cơ sở để đưa ra ý kiến ngoại trừ" nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động của Quý trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quý đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quý đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Ngoài ra, chúng tôi cần lưu ý đến thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính cho thấy Đại hội Thành viên ngày 10 tháng 1 năm 2012 đã thống nhất quyết định giải thể Quý trước thời hạn và giao cho công ty quản lý Quý xúc tiến các thủ tục pháp lý liên quan đến việc giải thể. Các báo cáo tài chính này được soạn lập trên cơ sở giải thể Quý. Các điều chỉnh đã được thực hiện để ghi giảm tài sản đến giá trị thuần có thể thực hiện được và dự phòng cho các khoản nợ có thể phát sinh từ quyết định giải thể này.



Đặng Quốc Tuấn  
Số chứng chỉ KTV: 0620/KTV  
Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

Lê Văn Hòa  
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM3120  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.



**QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1**

**Mẫu số B 01 - QĐT**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2011 VNĐ	2010 VNĐ
<b>A. TÀI SẢN</b>				
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3	39.383.273.945	41.337.249.466
120	2. Đầu tư chứng khoán	4	295.729.594.881	284.426.843.146
130	3. Phải thu hoạt động đầu tư	5	4.947.240.488	2.786.346.292
131	4. Phải thu khác	6	9.590.000.000	6.000.000
<b>200</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>349.650.109.314</b>	<b>328.556.438.904</b>
<b>B. NGUỒN VỐN</b>				
<b>I. NỢ PHẢI TRẢ</b>				
300	1. NỢ PHẢI TRẢ		<b>756.668.043</b>	<b>1.619.800.001</b>
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	7	-	729.058.330
314	2. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	13	13.333.333	13.333.333
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	8	612.712.295	573.142.117
318	4. Phải trả khác		130.622.415	304.266.221
<b>II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
400	1. Vốn góp của các nhà đầu tư	9	<b>348.893.441.271</b>	<b>326.936.638.903</b>
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư		350.000.000.000	350.000.000.000
420	2. Kết quả hoạt động chưa phân phối		(1.106.558.729)	(23.063.361.097)
<b>430</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>349.650.109.314</b>	<b>328.556.438.904</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chứng khoán theo mệnh giá	236.354.340.000	240.015.850.000
---------------------------	-----------------	-----------------

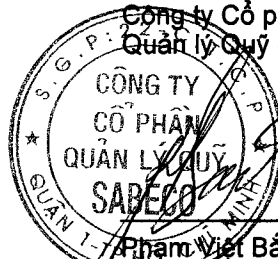
Ngân hàng Giám sát

Công ty Quản lý Quỹ



Bàng Vũ Hoà Diệu  
Trưởng Ban Dịch Vụ Quản Lý Tài Sản  
Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
Thành phố Hồ Chí Minh

Hồ Như Liên  
Trưởng Ban Thanh toán Bù trừ  
Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Thị Hiền Nhi  
Phụ trách kế toán Quỹ  
Công ty Cổ phần  
Quản lý Quỹ Sabeco

Phạm Việt Bắc  
Giayen Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần  
Quản lý Quỹ Sabeco  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1**

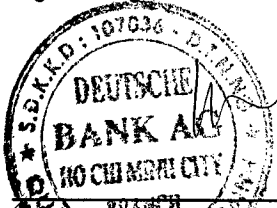
Mẫu số B 02 - QĐT

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
<b>A XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN</b>				
10	<b>I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện</b>		<b>8.260.042.508</b>	<b>20.409.363.073</b>
11	1. Cổ tức được nhận		2.442.644.354	17.775.987.955
12	2. Lãi trái phiếu được nhận	10	2.906.027.399	3.303.178.082
13	3. Lãi tiền gửi		5.938.353.386	2.322.010.037
14	4. Lỗ từ bán chứng khoán		(3.026.982.631)	(2.997.213.692)
18	5. Thu nhập khác		-	5.400.691
30	<b>II. Chi phí</b>		<b>(7.950.149.826)</b>	<b>(7.614.885.882)</b>
31	1. Phí quản lý quỹ và thưởng hoạt động	13	(6.965.223.803)	(6.654.183.231)
32	2. Phí giám sát và quản lý tài sản quỹ	13	(358.709.027)	(459.642.482)
34	4. Chi phí kiểm toán		(120.670.275)	(140.263.585)
35	5. Chi phí tư vấn định giá		-	(16.500.000)
38	6. Phí và chi phí khác	11	(505.546.721)	(344.296.584)
50	<b>III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm</b>		<b>309.892.682</b>	<b>12.794.477.191</b>
<b>B XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN</b>				
60	<b>I. Thu nhập</b>		<b>41.534.567.205</b>	<b>1.259.156.913</b>
61	1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán		41.534.567.205	1.259.156.913
70	<b>II. Chi phí</b>		<b>(19.887.657.519)</b>	<b>(44.484.275.501)</b>
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán		(19.887.657.519)	(44.484.275.501)
80	<b>III. Kết quả hoạt động chưa thực hiện trong năm</b>		<b>21.646.909.686</b>	<b>(43.225.118.588)</b>
90	<b>Lợi nhuận/(lỗ) trong năm</b>		<b>21.956.802.368</b>	<b>(30.430.641.397)</b>

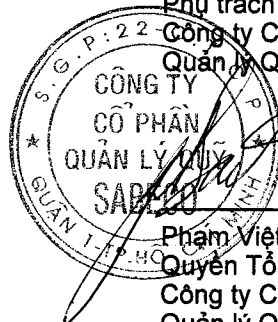
Ngân hàng Giám sát

Công ty Quản lý Quỹ



Đặng Vũ Hoài Diệu  
Trưởng Ban Dịch Vụ Quản Lý Tài Sản  
Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
Thành phố Hồ Chí Minh

Hồ Như Liên  
Trưởng Ban Thanh toán Bù trừ  
Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Thị Hiền Nhi  
Phụ trách kế toán Quỹ  
Công ty Cổ phần  
Quản lý Quỹ Sabeco

Phạm Việt Bắc  
Quyền Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần  
Quản lý Quỹ Sabeco  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1**

Mẫu số B 05 - QĐT

**BÁO CÁO TÀI SẢN**

Mã số	Chi tiêu	Tại ngày 31 tháng 12	
		2011 VNĐ	2010 VNĐ
1	Tiền	39.383.273.945	41.337.249.466
2	Các khoản đầu tư	295.729.594.881	284.426.843.146
2.1	Trái phiếu	19.744.525.411	31.108.235.046
2.2	Cổ phiếu	275.985.069.470	253.318.608.100
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	11.118.498.900	37.736.939.000
2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	264.866.570.570	215.581.669.100
3	Cổ tức được nhận	-	3.966.200
4	Lãi được nhận	4.947.240.488	2.782.380.092
5	Tiền bán chứng khoán phải thu	-	-
6	Các khoản phải thu khác	9.590.000.000	6.000.000
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>349.650.109.314</b>	<b>328.556.438.904</b>
7	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán	-	(729.058.330)
8	Phải trả khác	(756.668.043)	(890.741.671)
	<b>Tổng nợ</b>	<b>(756.668.043)</b>	<b>(1.619.800.001)</b>
	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>348.893.441.271</b>	<b>326.936.638.903</b>
9	Tổng số chứng chỉ quỹ	350.000	350.000
10	Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ	<u>996.838</u>	<u>934.105</u>

Ngân hàng Giám sát

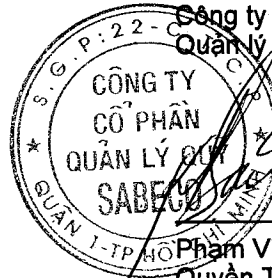
Công ty Quản lý Quỹ



Đặng Vũ Hoài Diệu  
Trưởng Ban Dịch Vụ Quản Lý Tài Sản  
Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Hiền Nhi  
Phụ trách kế toán Quỹ  
Công ty Cổ phần  
Quản lý Quỹ Sabeco

Hồ Như Liên  
Trưởng Ban Thanh toán Bù trừ  
Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012



Phạm Việt Bắc  
Quyền Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần  
Quản lý Quỹ Sabeco  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1**


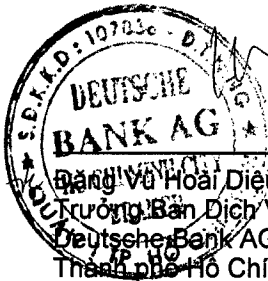
**Mẫu số B 06 - QĐT**

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**


Mã số	Chi tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	326.936.638.903	357.367.280.300
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	21.956.802.368	(30.430.641.397)
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	21.956.802.368	(30.430.641.397)
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	<u>348.893.441.271</u>	<u>326.936.638.903</u>

Ngân hàng Giám sát


Công ty Quản lý Quỹ


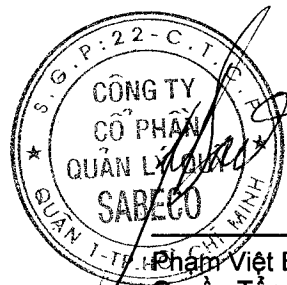
Đặng Vũ Hoài Diệu  
 Trưởng Ban Dịch Vụ Quản Lý Tài Sản  
 Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
 Thành phố Hồ Chí Minh



Nguyễn Thị Hiền Nhi  
 Phụ trách kế toán Quỹ  
 Công ty Cổ phần  
 Quản lý Quỹ Sabeco



Hồ Như Liên  
 Trưởng Ban Thanh toán Bù trừ  
 Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
 Thành phố Hồ Chí Minh  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Phạm Việt Bắc  
 Quyền Tổng Giám Đốc  
 Công ty Cổ phần  
 Quản lý Quỹ Sabeco  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1**

Mẫu số B 07 - QĐT

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

Stt	Chi tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2011 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
<b>I.</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			<b>11.118.498.900</b>	<b>3,18</b>
1	Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (SCD)	926.500	12.000	11.118.000.000	3,18
2	Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (SDA)	57	5.300	302.100	0,00
3	Công ty cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển (GMD)	6	17.900	107.400	0,00
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Bình Chánh (BCI)	6	14.900	89.400	0,00
Stt	Chi tiêu	Số lượng	Giá mua trung bình VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
<b>II.</b>	<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>			<b>264.866.570.570</b>	<b>75,75</b>
1	Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây (*)	2.606.418	34.450	89.790.249.870	25,68
2	Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco - Sông Lam	1.000.000	10.000	10.000.000.000	2,86
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	200.000	10.000	2.000.000.000	0,57
4	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	535.000	10.000	5.350.000.000	1,53
5	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	7.000.000	10.000	70.000.000.000	20,02
6	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	8.000.000	10.594	84.750.000.000	24,24
7	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (SMB)	367.447	8.100	2.976.320.700	0,85
Stt	Chi tiêu	Số lượng	Trị giá trái phiếu theo lãi suất chiết khấu 20% (**)	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
<b>III.</b>	<b>Trái phiếu</b>			<b>19.744.525.411</b>	<b>5,65</b>
1	Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	30	658.150.847	19.744.525.411	5,65
<b>IV.</b>	<b>Phải thu từ hoạt động đầu tư</b>			<b>4.947.240.488</b>	<b>1,41</b>
1	Lãi tiền gửi được nhận			316.555.556	0,09
2	Lãi trái phiếu được nhận			4.630.684.932	1,32
<b>V.</b>	<b>Phải thu khác</b>			<b>9.590.000.000</b>	<b>2,74</b>
<b>VI.</b>	<b>Tiền</b>			<b>39.383.273.945</b>	<b>11,27</b>
	Tiền gửi ngân hàng			39.383.273.945	11,27
<b>VII.</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>349.650.109.314</b>	<b>100,00</b>

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011  
(tiếp theo)**

**(\*) Đánh giá lại khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, theo chính sách định giá cũ trong Điều lệ Quỹ, khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây được đánh giá lại theo mức giá xác định bởi Hội đồng định giá là 19.600 đồng/ 1 cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, theo chính sách định giá mới được Ban đại diện Quỹ thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2011, khoản đầu tư vào cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá mua trung bình là 34.450 đồng/1 cổ phiếu.

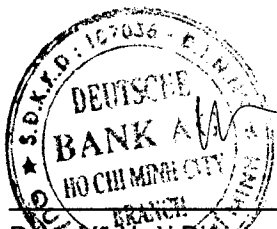
Sự thay đổi trong cách thức xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu này đã dẫn đến chênh lệch đáng kể trong xác định kết quả chưa thực hiện giữa hai năm 2011 và 2010. Trong thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán năm 2011 có bao gồm lãi do đánh giá lại cổ phiếu này với số tiền là 38.704.457.071 đồng. Trong chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán năm 2010 có bao gồm lỗ do đánh giá lại cổ phiếu này là 38.704.457.071 đồng.

**(\*\*) Đánh giá lại khoản đầu tư vào trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, theo chính sách định giá mới của Quỹ được Ban Đại diện Quỹ thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2011, do không thể xác định được lãi suất chiết khấu nhận bởi ba hoặc ít nhất hai công ty chứng khoán (hoặc ngân hàng), Quỹ đã thực hiện định giá trái phiếu này bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền từ lúc mua trái phiếu đến ngày đáo hạn, sử dụng lãi suất chiết khấu bình quân tại thời điểm mua vào. Giá trị hợp lý xác định theo phương pháp này là 19.744.525.411 đồng (Thuyết minh số 4), dẫn đến thu nhập đánh giá lại trái phiếu với số tiền là 2.386.390.365 đồng.

Ngân hàng Giám sát

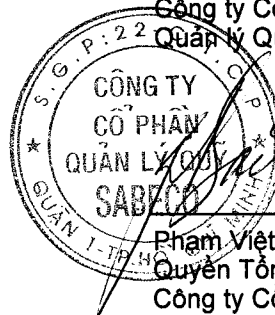
Công ty Quản lý Quỹ



Đào Thị Hoài Diệu  
Trưởng Ban Dịch Vụ Quản Lý Tài Sản  
Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Hiền Nhi  
Phụ trách kế toán Quỹ  
Công ty Cổ phần  
Quản lý Quỹ Sabeco

Hồ Như Liên  
Trưởng Ban Thanh toán Bù trừ  
Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012



Phạm Việt Bắc  
Quyền Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần  
Quản lý Quỹ Sabeco  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 26 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ SABECO 1**

Quỹ Đầu tư Sabeco 1 (“Quỹ”) là quỹ đầu tư thành viên được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập số 102/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12 tháng 3 năm 2008. Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập có giá trị 5 năm kể từ ngày cấp. Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa tỷ suất lợi nhuận hoàn vốn thông qua việc đầu tư vào các công ty đang trong giai đoạn cổ phần hóa, cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước được đấu giá trên thị trường phi tập trung đang và sẽ được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; hay bất cứ hình thức đầu tư chứng khoán nào được cho phép bởi Pháp luật Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Quỹ được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập là 700 tỷ đồng Việt Nam. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 1 triệu đồng.

Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sabeco (“Công ty Quản lý Quỹ”), một công ty quản lý quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam, quản lý, và được giám sát bởi Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Ngân hàng Giám sát”).

Đại hội Thành viên ngày 10 tháng 1 năm 2012 đã thống nhất quyết định giải thể Quỹ trước thời hạn và giao cho công ty quản lý Quỹ xúc tiến các thủ tục pháp lý liên quan đến việc giải thể.

**2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thống lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính.

Đại hội Thành viên ngày 10 tháng 1 năm 2012 đã thống nhất quyết định giải thể Quỹ trước thời hạn và giao cho công ty quản lý Quỹ xúc tiến các thủ tục pháp lý liên quan đến việc giải thể. Do đó, các báo cáo tài chính này được soạn lập trên cơ sở giải thể Quỹ. Các điều chỉnh đã được thực hiện để ghi giảm tài sản đến giá trị có thể thực hiện được và dự phòng cho các khoản nợ có thể phát sinh từ quyết định giải thể này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**2 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

**2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

**2.5 Tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn.

**2.6 Đầu tư chứng khoán**

**(a) Phân loại**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

**(b) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Quỹ cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

**(c) Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại**

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Việc đánh giá lại các khoản đầu tư được thực hiện theo Chính sách định giá của Quỹ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011****2 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.6 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)****(c) Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại (tiếp theo)***Chứng khoán niêm yết*

Giá chứng khoán niêm yết được tính căn cứ vào giá giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("các Sở Giao dịch Chứng khoán") vào ngày định giá có liên quan.

Nếu một chứng khoán niêm yết không có giao dịch trong thời gian ít hơn hai tuần trước ngày định giá, thì giá thị trường được xác định là trung bình giá giao dịch cung cấp bởi ba, hoặc ít nhất hai công ty chứng khoán độc lập với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát. Nếu các công ty chứng khoán không thể cung cấp giá thị trường của cổ phiếu, thì giá được xác định là giá mua trung bình.

Nếu một chứng khoán niêm yết không có giao dịch trong thời gian nhiều hơn hai tuần trước ngày định giá, thì giá thị trường được xác định là giá thấp hơn giữa:

- i) giá chào mua được cung cấp bởi ba, hoặc ít nhất hai công ty chứng khoán nếu không có đủ ba báo giá;
- ii) theo giá mua trung bình; và
- iii) giá tại ngày giao dịch gần nhất trước đó.

*Chứng khoán chưa niêm yết*

Giá của chứng khoán chưa niêm yết được xác định là giá mua trung bình trên cơ sở giá giao dịch cung cấp bởi ba hoặc ít nhất hai công ty chứng khoán trong trường hợp không có đủ ba báo giá. Các công ty chứng khoán phải độc lập với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát. Trong trường hợp không có đủ giá từ các công ty chứng khoán, thì chứng khoán chưa niêm yết được xác định là giá mua trung bình.

*Trái phiếu thông thường*

Cơ sở hạch toán và định giá trái phiếu là giá sạch (giá sạch là giá không bao gồm lãi phát sinh). Giá của trái phiếu được xác định bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền sử dụng lãi suất chiết khấu được ghi nhận bởi ba hoặc ít nhất hai công ty chứng khoán (hoặc ngân hàng) nếu không có đủ ba báo giá. Trường hợp không thể ghi nhận lãi suất chiết khấu, giá của trái phiếu được xác định bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền sử dụng lãi suất chiết khấu bình quân tại thời điểm mua vào.

**2.7 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức từ các công ty mà Quỹ đầu tư vào, lãi trái phiếu phải thu từ các nhà phát hành trái phiếu, lãi ngân hàng phải thu và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**2.8 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả cho hoạt động đầu tư và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.9 Thuế**

Theo Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2006, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các thành viên của Quỹ (bao gồm các pháp nhân có cư trú và không có cư trú) sẽ phải nộp thuế thu nhập trên lợi nhuận do Quỹ phân phối. Quỹ có trách nhiệm khấu trừ và kê khai khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của thành viên theo mức thuế suất 20%.

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 không quy định rõ về việc kê khai thuế của các quỹ đầu tư chứng khoán trong nước. Ngày 19 tháng 8 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn 10945/BTC-TCT gửi Cục thuế các tỉnh hướng dẫn thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho lợi nhuận phân phối của các quỹ đầu tư Việt Nam cho các nhà đầu tư (không phân biệt là nhà đầu tư trong nước hay nhà đầu tư nước ngoài) là 25%. Các quỹ đầu tư phải khấu trừ khoản thuế này trước khi chia cổ tức. Tuy nhiên, lợi nhuận phân phối từ cổ tức của các công ty Việt Nam và các loại trái phiếu thuộc diện miễn thuế sẽ không phải chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% này.

**2.10 Vốn cổ phần**

Các chứng chỉ quỹ có quyền được nhận cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 1 triệu đồng Việt Nam.

**2.11 Lợi nhuận trên một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ**

Lợi nhuận trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ được trích theo phương pháp bình quân gia quyền trong năm.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính.

**2.12 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.13 Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu**

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại vào ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.14 Chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động mua chứng khoán mà đã được hạch toán vào giá mua của khoản đầu tư đó.

**2.15 Dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quý có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**2.16 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Quý, Công ty Quản lý Quý, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.17 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**3 TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

	Tại ngày 31 tháng 12	
	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	2.383.273.945	4.004.756.123
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	37.000.000.000	37.332.493.343
	<u>39.383.273.945</u>	<u>41.337.249.466</u>

(\*) Đây là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**4 ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) được trình bày trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quý không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2.6, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VNĐ	Lãi/(lỗ) do đánh giá lại VNĐ	Giá trị hợp lý tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	21.544.433.880	(10.425.934.980)	11.118.498.900
Cổ phiếu chưa niêm yết	275.022.579.402	(10.156.008.832)	264.866.570.570
Trái phiếu (*)	17.358.135.046	2.386.390.365	19.744.525.411
	<u>313.925.148.328</u>	<u>(18.195.553.447)</u>	<u>295.729.594.881</u>
	Giá mua VNĐ	Lãi/(lỗ) do đánh giá lại VNĐ	Giá trị hợp lý tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	33.545.086.483	4.191.852.517	37.736.939.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	259.615.984.749	(44.034.315.649)	215.581.669.100
Trái phiếu (*)	17.358.135.046	-	17.358.135.046
Trái phiếu chuyển đổi	13.750.100.000	-	13.750.100.000
	<u>324.269.306.278</u>	<u>(39.842.463.132)</u>	<u>284.426.843.146</u>

(\*) Số tiền này thể hiện giá trị đầu tư vào trái phiếu Tập đoàn Công Nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Theo đánh giá của Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ, do trái chủ là Vinashin gặp nhiều khó khăn tài chính trong hiện tại và trong tương lai gần nên Quý chưa có bằng chứng đáng tin cậy về khả năng thu hồi tiền gốc và lãi trái phiếu này cũng như giá trị thuần có thể thu hồi được của khoản đầu tư vào trái phiếu này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**5 PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

	<u>Tại ngày 31 tháng 12</u>	
	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Phải thu lãi trái phiếu Tập đoàn Công Nghiệp Tàu thủy Việt Nam	4.630.684.932	1.945.479.452
Phải thu lãi trái phiếu khác	-	603.178.082
Phải thu cổ tức	-	3.966.200
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	316.555.556	233.722.558
	<u>4.947.240.488</u>	<u>2.786.346.292</u>

**6 PHẢI THU KHÁC**

Số tiền này thể hiện số tiền đặt cọc mua 685.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Sài Gòn – Tây Đô chưa niêm yết mà Quỹ mua từ một cổ đông của công ty đó vào ngày 4 tháng 5 năm 2011.

**7 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

Các khoản phải trả hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải trả từ việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau ba (3) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam và phí môi giới mua chứng khoán phải trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, số dư phải trả hoạt động đầu tư bằng không (0).

**8 PHẢI TRẢ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

	<u>Tại ngày 31 tháng 12</u>	
	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Phải trả phí quản lý quỹ (Thuyết minh số 13)	582.703.086	545.849.635
Phải trả phí giám sát và phí lưu ký (Thuyết minh số 13)	30.009.209	27.292.482
	<u>612.712.295</u>	<u>573.142.117</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**9 VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Vốn góp VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	350.000.000.000	(23.063.361.097)	<b>326.936.638.903</b>
Lợi nhuận trong năm	-	21.956.802.368	<b>21.956.802.368</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>350.000.000.000</u>	<u>(1.106.558.729)</u>	<u><b>348.893.441.271</b></u>

Vốn điều lệ của Quỹ là 700 tỷ đồng Việt Nam, tương đương 700.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 1 triệu đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, 350.000 chứng chỉ quỹ đã được phát hành và thanh toán hết. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Quỹ không phát hành thêm chứng chỉ quỹ nào.

Tất cả chứng chỉ quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn, và các quyền khác ngang nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

**10 LÃI TRÁI PHIẾU ĐƯỢC NHẬN**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Lãi trái phiếu Tập đoàn Công Nghiệp Tàu thủy Việt Nam		
Đã thu được	-	754.520.548
Phải thu tại ngày lập bảng cân đối kế toán	2.700.000.000	1.945.479.452
Lãi trái phiếu khác	206.027.399	603.178.082
	<u>2.906.027.399</u>	<u>3.303.178.082</u>

**11 PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC**

	Tại ngày 31 tháng 12	
	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Phí dịch vụ báo giá OTC	96.000.000	109.700.000
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ	159.999.996	160.877.775
Chi phí khác	249.546.725	73.718.809
	<u>505.546.721</u>	<u>344.296.584</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**12 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Quý có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng  
Rủi ro thanh khoản  
Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu và tiền gửi ngân hàng. Quyền Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quý được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quý theo đúng mục tiêu đầu tư của Quý. Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Quyền Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quý có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Quý chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được qui định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty Quản lý Quý tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

